

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy công nghệ Vicome (Việt Nam) của Công ty TNHH Công nghệ Vicome (Việt Nam)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy công nghệ Vicome (Việt Nam) của Công ty TNHH Công nghệ Vicome (Việt Nam) tại Khu công nghiệp Thành Thành Công, tỉnh Tây Ninh họp vào ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy công nghệ Vicome (Việt Nam) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 05/CVMT ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Công ty TNHH Công nghệ Vicome (Việt Nam);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 3178/TTr-STNMT ngày 22 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy công nghệ Vicome (Việt Nam) tại Lô A17.3, đường C1, Khu công nghiệp Thành Thành Công, tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Công nghệ Vicome (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *HVC*

- Chủ dự án;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQL Khu kinh tế;
- Cty CP ĐT KCN Thành Thành Công;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HNĐD và UBND tỉnh.

LB

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.**



Trần Văn Chiến

PHỤ LỤC

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ VICOME (VIỆT NAM) CỦA CÔNG TY
TNHH CÔNG NGHỆ VICOME (VIỆT NAM)**
(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Nhà máy công nghệ Vicome (Việt Nam).
- Địa điểm thực hiện: lô A17.3, đường C1, Khu công nghiệp Thành Thành Công, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Công nghệ Vicome (Việt Nam).

1.1. Phạm vi, quy mô:

- Tổng diện tích đất của Dự án là 20.534 m².
- Mục tiêu, quy mô: Bột màu các loại (có sử dụng cho ngành dệt, nhuộm), quy mô 200 tấn/năm; màu hữu cơ dạng lỏng (có sử dụng cho ngành dệt, nhuộm), quy mô 200 tấn/năm; thuốc nhuộm màu dạng lỏng, quy mô 200 tấn/năm; màu keo, quy mô 200 tấn/năm; màu nước, quy mô 200 tấn/năm; hạt nhựa màu, quy mô 500 tấn/năm; mực in, quy mô 500 tấn/năm.

1.2. Các hạng mục công trình: Hạng mục chính: Nhà xưởng; nhà văn phòng xưởng; kho nguyên liệu xưởng; kho thành phẩm xưởng; phòng thí nghiệm; nhà để xe; nhà bảo vệ; kho hóa chất; bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy; nhà đặt lò dầu tải nhiệt; hạng mục bảo vệ môi trường: Khu xử lý nước thải; kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại; cây xanh; hạng mục công trình phụ trợ,...

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Quy trình sản xuất bột màu các loại: Nguyên liệu (Benzene melamine, Melamine, Paraformaldehyde, Urea và phụ gia) → Phản ứng → Ép lọc → Sấy khô → Nghiền → Phân loại → Trộn kín → Kiểm tra sắc tố → Đóng gói, thành phẩm.
- Quy trình công nghệ sản xuất màu hữu cơ dạng lỏng: Nguyên liệu (Acrylonitril, Styren, O/p-toluenesulfonamide,... và chất xúc tác) → Phản ứng → Lọc → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.
- Quy trình công nghệ sản xuất màu keo: Nguyên liệu (Acrylonitril, Styren, O/p-toluenesulfonamide,... và chất xúc tác) → Phản ứng → Mài → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.
- Quy trình công nghệ sản xuất thuốc nhuộm màu dạng lỏng: Nguyên liệu (Thuốc nhuộm hòa tan trong muối, phụ gia (chất nhũ hóa không ion)) → Khuấy trộn → Lọc → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

HK

- Quy trình công nghệ sản xuất mực in: Nguyên liệu (Bột màu các loại và nước đưa qua bồn khuấy trộn 1; các chất phụ gia: chất làm ướt, chất phân tán, dầu bôi trơn, nhũ hóa,...) → Bồn khuấy trộn 2 → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

- Quy trình công nghệ sản xuất màu nước: Nguyên liệu (Bột màu, sắc tố trên châu, sơn lấp lánh và nước đưa qua bồn khuấy trộn 1; các chất phụ gia: dầu bôi trơn, chất làm đặc,...) → Bồn khuấy trộn 2 → Lọc → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

- Quy trình công nghệ sản xuất hạt nhựa màu: Nguyên liệu (Hạt nhựa nguyên sinh, bột màu và chất phụ gia: chất làm ướt và phân tán, silicone,...) → Khuấy trộn → Tạo hạt → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Hơi hóa chất phát sinh từ các công đoạn khuấy trộn, phản ứng, sấy khô, nghiền thô, trộn liệu, đóng gói của các quy trình sản xuất.

- Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành lò dầu tải nhiệt có công suất 800.000 kcal/giờ.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân, nhân viên làm việc.

- Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất.

- Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên Dự án lưu lượng khoảng 5,2 m³/ngày đêm, thành phần gồm chất thải rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, Nitơ, Photpho, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình sản xuất: phát sinh từ công đoạn ép lọc của quy trình sản xuất bột màu các loại, lưu lượng khoảng 10 lít/ngày đêm tương đương khoảng 0,01 m³/ngày đêm, thành phần chất hữu cơ ở dạng lơ lửng và hòa tan, độ màu; phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất bột màu, màu nước, màu keo, lưu lượng khoảng 6 m³/ngày, thành phần gồm chất rắn lơ lửng, độ màu, BOD, COD.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm, lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của khí thải:

- Hơi hóa chất gồm có Toluene, Metylacrylat, Fomaldehyt, Styrene...

- Khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu DO vận hành lò dầu tải nhiệt, công suất 800.000 kcal/giờ, thành phần gồm bụi, SO₂, NO_x, CO.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

thc

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên, gồm: Bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp đựng thức ăn,...

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất. Bao gồm: Giấy vụn, bao bì không dính thành phần nguy hại, các phế liệu thải không dính thành phần nguy hại ...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất. Bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại; pin, ắc quy thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì mềm thải; bao bì cứng thải bằng kim loại; bao bì cứng thải bằng nhựa; giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại; than hoạt tính đã qua sử dụng; cặn hóa chất thải; bột màu các loại không đạt yêu cầu; màu hữu cơ dạng lỏng không đạt yêu cầu; thuốc nhuộm màu dạng lỏng không đạt yêu cầu; màu keo không đạt yêu cầu; màu nước không đạt yêu cầu; mực in không đạt yêu cầu; hạt nhựa không đạt yêu cầu; cặn toluen; bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi dẫn về bể điều hòa hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Nước thải phòng thí nghiệm, vệ sinh máy móc thiết bị thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất xử lý 20 m³/ngày đêm với quy trình, công nghệ: Nước thải (nước thải sản xuất, nước thải phòng thí nghiệm, vệ sinh máy móc thiết bị) → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi → Bể điều hòa (có nước thải sinh hoạt dẫn vào) → Bể điều chỉnh pH → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Tháp lọc cát → Đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

3.2. Về xử lý hơi hóa chất, bụi, khí thải lò dầu tải nhiệt:

- Lắp đặt 15 hệ thống thu gom, xử lý hơi hóa chất tại các công đoạn có phát sinh, quy trình, công nghệ xử lý: Hơi hóa chất → Tháp hấp phụ (vật liệu hấp phụ là than hoạt tính).

- Lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt, quy trình, công nghệ xử lý: Khí thải → Tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là dung dịch kiềm) → Ống phát thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom hàng ngày về khu vực lưu trữ.

Hic

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại đúng theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, cụ thể như: Thiết kế mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ, có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hoá học với nhau, không để chất thải nguy hại dạng lỏng chảy tràn ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; kho lưu giữ chất thải nguy hại phải được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, lấp đặt biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều. Riêng dung môi toluen sau khi vệ sinh máy móc, thiết bị sẽ được lưu trữ tại thùng chứa toluen thải và định kỳ 1 tháng 1 lần lượng toluen thải này được đưa qua máy lọc để lọc loại bỏ cặn thải. Toluene sau khi loại bỏ cặn được tái sử dụng để vệ sinh máy móc thiết bị và không thải bỏ, cặn thu gom xử lý theo quy định về chất thải nguy hại.

- Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: kiểm tra, thẩm định máy móc, thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế trước khi lắp đặt; thi công nền móng đảm bảo quy chuẩn, kỹ thuật về xây dựng để lắp đặt máy móc, thiết bị có công suất lớn; bổ sung các giải pháp kỹ thuật như lắp đặt đệm chống ồn, rung đối với các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn; định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong quá trình hoạt động.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Nước mưa → Thu gom dẫn vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Dự án → Đổ nổi vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải, bụi, hơi hóa chất: Thực hiện phương án phòng ngừa ứng phó sự cố theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cách cháy, bể chứa nước phòng cháy chữa cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt

thc

động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

- Kho hóa chất, thành phẩm: Thiết kế, xây dựng đúng theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất xử lý 20 m³/ngày đêm.

- 15 hệ thống xử lý hơi hóa chất.

- 01 hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt.

- Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Khu lưu giữ chất thải rắn nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1 Chương trình giám sát bụi, khí thải.

5.1.1. Hơi hóa chất.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Toluene, Metylacrylat, Fomaldehyt, Styrene.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 03 ống thoát khí sau hệ thống xử lý hơi hóa chất.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 20:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, hệ số theo quy định.

5.1.2. Khí thải phát sinh từ lò dầu tải nhiệt.

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO_x, NO_x.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát: Sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số theo quy định.

5.2 Chương trình giám sát nước thải.

- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, amoni, sunfua, tổng nito, tổng photpho, dầu mỡ khoáng, Coliforms, độ màu.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: sau hệ thống xử lý nước thải tại vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận.

- Giới hạn so sánh theo yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

5.2 Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất: Thường xuyên, liên tục.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải rắn công nghiệp thông thường, sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải, bụi, hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B hệ số theo quy định; QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, rác thải sinh hoạt phát sinh trong suốt quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng, vận hành, kết thúc Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại

- Xây dựng quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, hơi hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Tổ chức xây dựng, vận hành hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.

Handwritten signature